

THÔNG TƯ

Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải (sau đây gọi là Nghị định số 21/2012/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Chỉ thị số 29/2008/CT-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khảo sát, khai thác, vận chuyển, tiêu thụ cát, sỏi lòng sông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, vùng quay trở tàu và khu nước, vùng nước khác (sau đây gọi là luồng hàng hải, khu nước, vùng nước) trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm bù chi phí nạo vét và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải.

Điều 2. Lập danh mục dự án khuyến khích thực hiện nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm

1. Nhà nước khuyến khích các nhà đầu tư tham gia thực hiện hoạt động nạo vét tất cả các tuyến luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm bù chi phí nạo vét phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước và của nhà đầu tư.

2. Tháng 01 hàng năm, căn cứ kế hoạch, nhu cầu phát triển, khai thác cảng biển, lưu lượng tàu thuyền và hàng hoá thông qua cảng biển, dự kiến mức độ sa bồi và kinh phí thực hiện, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức lập danh mục các dự án khuyến khích thực hiện nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt.

3. Danh mục các dự án phải có những nội dung chủ yếu sau:

a) Tên dự án (tên tuyến luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển);

b) Mục tiêu của dự án;

c) Địa điểm thực hiện dự án;

d) Tóm tắt các thông số kỹ thuật, chuẩn tắc thiết kế chủ yếu của công trình, khối lượng nạo vét dự kiến, thời gian thực hiện.

4. Bộ Giao thông vận tải tổ chức lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án đi qua, thẩm định và phê duyệt danh mục các dự án khuyến khích thực hiện nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Danh mục dự án đã được phê duyệt có thể được sửa đổi, bổ sung trong trường hợp có sự thay đổi về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của ngành, địa phương, kế hoạch nạo vét bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm hoặc vì lý do hợp lý khác có sự thay đổi trong danh mục dự án đã công bố.

Điều 3. Công bố danh mục dự án

1. Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện công bố danh mục dự án đã phê duyệt trên Trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định. Danh mục dự án được công bố phải có những nội dung chủ yếu quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư này.

2. Thời gian tối thiểu để nhà đầu tư lựa chọn và đăng ký thực hiện dự án là 15 ngày, kể từ ngày danh mục dự án được công bố theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Khi danh mục dự án được sửa đổi, bổ sung hoặc có sự thay đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư này, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện đăng tải lại trên Trang thông tin điện tử của cơ quan.

Điều 4. Đăng ký thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư có thể đề nghị thực hiện dự án trong danh mục dự án đã công bố hoặc dự án chưa có trong danh mục đã công bố.

2. Thủ tục đăng ký thực hiện dự án:

a) Nhà đầu tư gửi Cục Hàng hải Việt Nam trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký thực hiện dự án. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

- Văn bản đăng ký thực hiện dự án theo Mẫu số 1 Phụ lục của Thông tư này;

- Hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư và các hợp đồng hợp tác, liên doanh, liên kết có liên quan, nếu có);

- Hồ sơ năng lực tài chính của nhà đầu tư: báo cáo tài chính do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm, trừ trường hợp doanh nghiệp thành lập mới để thực hiện dự án; giấy tờ chứng minh nguồn vốn của doanh nghiệp hoặc văn bản cam kết tài chính thực hiện dự án;

- Quyết định hoặc hợp đồng thực hiện dự án tương tự của nhà đầu tư (nếu có).

b) Trình tự nhận và xử lý hồ sơ:

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (nếu nhận hồ sơ trực tiếp).

- Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp theo quy định tại điểm a khoản này, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với dự án đã có trong danh mục dự án đã công bố: Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời dự án đã có bao nhiêu nhà đầu tư hoặc chưa có nhà đầu tư đăng ký thực hiện và gửi trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến nhà đầu tư; đồng thời, báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

- Đối với dự án chưa có trong danh mục dự án đã công bố:

+ Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương bổ sung vào danh mục dự án và điều chỉnh kế hoạch nạo vét sử dụng ngân sách nhà nước hàng năm (nếu cần phải điều chỉnh).

+ Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án đi qua.

+ Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc hết hạn nhưng không nhận được văn bản tham gia ý kiến, Bộ Giao thông vận tải tiến hành thẩm định, quyết định bổ sung vào danh mục dự án khuyến khích thực hiện xã hội hóa nạo vét kết

hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và điều chỉnh kế hoạch nạo vét sử dụng ngân sách nhà nước hàng năm (nếu cần phải điều chỉnh), trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

+ Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời và gửi trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến nhà đầu tư.

3. Trường hợp nhà đầu tư gửi hồ sơ đề nghị thực hiện dự án đến Bộ Giao thông vận tải, chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Bộ Giao thông vận tải có văn bản gửi Cục Hàng hải Việt Nam xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 5. Đề xuất thực hiện dự án của nhà đầu tư

1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời chấp thuận của Cục Hàng hải Việt Nam, nhà đầu tư có trách nhiệm tiến hành khảo sát, lập và gửi Cục Hàng hải Việt Nam 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt đề xuất thực hiện dự án.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề xuất dự án bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt đề xuất dự án theo Mẫu số 2 Phụ lục của Thông tư này;

b) Hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư (nếu có thay đổi, bổ sung so với khi nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án quy định tại Điều 4 của Thông tư này);

c) Hồ sơ năng lực tài chính của nhà đầu tư: bổ sung văn bản bảo lãnh tài chính theo quy định (nếu nguồn vốn doanh nghiệp không đủ thực hiện dự án);

d) Báo cáo thuyết minh đề xuất thực hiện dự án với những nội dung chính sau đây:

- Phân tích sự cần thiết và những lợi thế trong việc thực hiện dự án nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm so với các hình thức đầu tư khác; các điều kiện thuận lợi và khó khăn; mục đích sử dụng sản phẩm tận thu được trong quá trình nạo vét;

- Xác định địa điểm, quy mô, phạm vi thi công; xác định khối lượng nạo vét theo chuẩn tắc thiết kế đã được công bố (nếu có) hoặc phân tích, đề xuất thông số kỹ thuật, chuẩn tắc thi công; dự kiến khối lượng đăng ký tận thu, phương án và vị trí đổ thải đối với sản phẩm nạo vét không tận thu;

- Phân tích, đề xuất dự kiến biện pháp thi công, trình tự thi công, kế hoạch thi công;

- Dự kiến việc lập và trình phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật;

- Xác định sơ bộ tổng vốn đầu tư của dự án và thời gian, tiến độ thực hiện dự án;

- Dự kiến các điều kiện kiểm tra, kiểm soát chất lượng, giám sát, nghiệm thu, phương thức chuyển giao và tiếp nhận công trình sau khi hoàn thành;

- Đề xuất biện pháp ưu đãi, hỗ trợ chuyên môn cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án (nếu cần thiết) liên quan đến bảo đảm an toàn hàng hải, bố trí báo hiệu hàng hải, điều tiết giao thông, kiểm tra, giám sát, thông báo hàng hải;

- Bản vẽ thiết kế: Bản vẽ tổng mặt bằng (tuyến luồng hoặc khu nước, vùng nước; vị trí tập kết phươg tiện, vị trí tập kết sản phẩm nạo vét...); bản vẽ mặt bằng phạm vi khu vực nạo vét, bản vẽ chi tiết mặt cắt nạo vét.

đ) Văn bản cam kết thực hiện dự án bao gồm: cam kết về bố trí nhân lực, thiết bị, bảo đảm tiến độ và chất lượng dự án; dự kiến chính sách bảo hiểm về nhân sự và thiết bị khi tham gia thực hiện dự án;

e) Văn bản thẩm tra đề xuất thực hiện dự án của đơn vị tư vấn đủ năng lực theo quy định;

g) Hồ sơ năng lực thực hiện dự án tương tự của nhà đầu tư (nếu có thay đổi, bổ sung so với khi nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án quy định tại Điều 4 Thông tư này);

h) Các tài liệu khác cần thiết cho việc giải trình đề xuất thực hiện dự án.

3. Trình tự nhận và xử lý hồ sơ:

a) Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề xuất thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2 Điều này và cấp giấy biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả (nếu nhận hồ sơ trực tiếp). Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều này, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

b) Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định, đánh giá hồ sơ đề xuất thực hiện dự án và năng lực của nhà đầu tư:

- Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định hồ sơ, đánh giá nhà đầu tư để xem xét, chấp thuận.

- Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng đề xuất thực hiện một dự án, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức thẩm định hồ sơ, đánh giá nhà đầu tư dựa trên các yếu tố năng lực pháp lý, năng lực tài chính, năng lực trang thiết bị, kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự và đề xuất cụ thể việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận.

4. Chậm nhất 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Cục Hàng hải Việt Nam trình quy định tại khoản 3 Điều này, Bộ Giao thông vận tải thẩm định và ra văn bản chấp thuận lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án, trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 6. Đàm phán, ký kết và điều chỉnh Hợp đồng dự án

1. Đàm phán và ký kết hợp đồng dự án

a) Căn cứ Quyết định của Bộ Giao thông vận tải chấp thuận đề xuất thực hiện dự án theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này và kết quả đánh giá lựa chọn nhà đầu tư, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức đàm phán và ký kết Hợp đồng dự án với nhà đầu tư đã được lựa chọn.

b) Thời hạn thực hiện Hợp đồng dự án do các Bên thỏa thuận phù hợp với danh mục đã phê duyệt hoặc điều chỉnh, hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư và các điều kiện liên quan khác. Thời hạn Hợp đồng thực hiện dự án có thể được gia hạn hoặc rút ngắn theo các điều kiện quy định tại Hợp đồng dự án.

c) Nội dung đàm phán và ký kết Hợp đồng dự án với nhà đầu tư tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành, trong đó phải có các nội dung chính sau đây:

- Thông tin chung của các Bên trong Hợp đồng;
- Thông tin về dự án: tên dự án, tên công trình, vị trí, địa điểm;
- Phạm vi thực hiện và chuẩn tắc thiết kế của công trình;
- Hình thức thực hiện, thời gian thực hiện, điều kiện gia hạn hoặc rút ngắn Hợp đồng thực hiện dự án;
- Dự kiến khối lượng nạo vét theo chuẩn tắc thiết kế hoặc chuẩn tắc, quy mô đã được chấp thuận;
- Biện pháp thi công, trình tự thi công, kế hoạch và tiến độ thực hiện thi công;
- Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng và tiến độ thực hiện;
- Phương án bảo đảm an toàn hàng hải, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật;
- Điều kiện kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, phương thức chuyển giao và tiếp nhận công trình sau khi hoàn thành;
- Cơ chế, biện pháp hỗ trợ chuyên môn liên quan đến bảo đảm an toàn hàng hải, bố trí báo hiệu hàng hải, điều tiết giao thông, kiểm tra, giám sát, thông báo hàng hải cho nhà đầu tư (nếu có);
- Biện pháp xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện dự án.

Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức xây dựng mẫu Hợp đồng dự án trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và tổ chức thực hiện khi Thông tư này có hiệu lực.

d) Trường hợp việc đàm phán và ký kết Hợp đồng dự án với nhà đầu tư đã lựa chọn không thực hiện được, Cục Hàng hải Việt Nam tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải chấp thuận cho phép chấm dứt đàm phán và mời nhà đầu tư có năng lực kế tiếp (nếu có) để đàm phán và ký kết Hợp đồng dự án hoặc tiếp tục kêu gọi nhà đầu tư khác tham gia thực hiện dự án.

2. Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành việc đàm phán ký kết Hợp đồng dự án với nhà đầu tư, Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm báo cáo kết quả cho Bộ Giao thông vận tải. Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải có văn

bản chấp thuận kết quả đàm phán, Hợp đồng dự án gửi Cục Hàng hải Việt Nam; đồng thời gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thực hiện dự án để phối hợp quản lý.

3. Việc điều chỉnh tổng vốn đầu tư, thiết kế kỹ thuật và các điều kiện khác đã thỏa thuận tại Hợp đồng dự án chỉ được xem xét trong các trường hợp sau:

a) Dự án bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, cấm vận, bao vây hoặc các hạn chế khác của Chính phủ nên không thể tiếp tục thực hiện được dự án theo thỏa thuận của Hợp đồng;

b) Xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án;

c) Khi quy hoạch thay đổi ảnh hưởng trực tiếp đến địa điểm, quy mô, tính chất, mục tiêu của dự án;

d) Các trường hợp khác thỏa thuận trong Hợp đồng dự án đã ký kết.

Nhà đầu tư phải thông báo nội dung cần thay đổi cho Cục Hàng hải Việt Nam để thực hiện đàm phán, thống nhất điều chỉnh lại nội dung Hợp đồng dự án sau khi có văn bản chấp thuận điều chỉnh của Bộ Giao thông vận tải.

4. Nhà đầu tư có thể chuyển nhượng một phần quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng dự án (tối đa không quá 49% giá trị dự án), sau khi được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận việc chuyển nhượng và bổ sung, thay đổi nhà đầu tư, nhưng không được làm ảnh hưởng đến mục tiêu, quy mô, chuẩn tắc thiết kế kỹ thuật, tiến độ thực hiện dự án đã thỏa thuận trong Hợp đồng dự án. Quá trình chuyển nhượng phải tuân thủ các điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và văn bản pháp luật liên quan.

Điều 7. Các chi phí thực hiện dự án

1. Chi phí lập, công bố danh mục dự án, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, thẩm định phê duyệt dự án, thực hiện kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền của cơ quan nhà nước, hỗ trợ chuyên môn cho nhà đầu tư được bố trí từ ngân sách nhà nước trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi phí khảo sát, lập hồ sơ đề xuất dự án, thẩm tra đề xuất dự án, thực hiện nạo vét, tư vấn giám sát độc lập quá trình thực hiện dự án, khắc phục sự cố do vi phạm từ thực hiện dự án, đo đạc trong quá trình thực hiện dự án, công tác nghiệm thu bàn giao khi hoàn thành dự án và các chi phí liên quan khác do nhà đầu tư chi trả.

Điều 8. Bảo đảm nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng dự án

1. Biện pháp bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dự án được áp dụng dưới hình thức bảo lãnh của ngân hàng hoặc biện pháp bảo đảm nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Số tiền bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dự án không được thấp hơn 10% tổng vốn đầu tư của dự án đề xuất thực hiện.

2. Trước khi ký kết hợp đồng thực hiện dự án, nhà đầu tư phải nộp cho Cục Hàng hải Việt Nam văn bản bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dự án và có hiệu lực đến ngày công trình hoàn thành bàn giao để đưa vào sử dụng.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện bảo đảm thực hiện dự án theo một trong các cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng bảo đảm nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng dự án tương ứng với khối lượng công việc thực hiện trong liên danh.

b) Các thành viên trong liên danh thoả thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng dự án cho cả liên danh.

3. Bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dự án được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có giá trị thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Thời gian hiệu lực ngắn hơn thời gian thực hiện dự án;
- c) Không đúng tên dự án; tên nhà đầu tư hoặc tên liên danh thực hiện dự án;
- d) Không phải là bản gốc hoặc không có chữ ký hợp lệ.

Trong các trường hợp này, nếu nhà đầu tư không bổ sung, hoàn chỉnh được bảo đảm nghĩa vụ thực hiện dự án khi được yêu cầu thì hồ sơ đề xuất thực hiện dự án được xác định là không hợp lệ và bị loại.

4. Nhà đầu tư được chấp thuận chấm dứt Hợp đồng dự án không phải do lỗi của mình sẽ được hoàn trả bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dự án trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản chấm dứt Hợp đồng dự án có hiệu lực, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Nhà đầu tư không được nhận lại bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dự án trong các trường hợp sau:

a) Trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo được lựa chọn tham gia dự án, mà không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng hoặc đã thương thảo, hoàn thiện xong nhưng từ chối ký hợp đồng mà không có lý do chính đáng.

b) Không thực hiện hợp đồng hoặc không tuân thủ các điều khoản của hợp đồng mà không có lý do chính đáng.

c) Trường hợp một thành viên trong liên danh vi phạm dẫn đến nhà đầu tư không được nhận lại bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dự án theo quy định tại khoản này thì tất cả thành viên trong liên danh đều bị tịch thu bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dự án.

Điều 9. Tổ chức triển khai, quản lý, giám sát thực hiện dự án

1. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tổ chức bàn giao mốc giới, mặt bằng thi công công trình phục vụ thi công theo Hợp đồng dự án;

b) Chỉ đạo các Cảng vụ Hàng hải khu vực tổ chức phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải và tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án

theo quy định tại Nghị định số 21/2012/NĐ-CP và Thông tư số 10/2013/TT-BGTVT ngày 08 tháng 5 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 21/2012/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 10/2013/TT-BGTVT);

c) Hướng dẫn nhà đầu tư tiến hành lựa chọn đơn vị tư vấn giám sát độc lập đủ điều kiện để giám sát quá trình thực hiện dự án theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình và quy định pháp luật hiện hành;

d) Tổ chức giám sát, đánh giá việc tuân thủ các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong việc thực hiện các yêu cầu về quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng công trình, tiến độ thực hiện dự án, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy và các vấn đề khác theo thỏa thuận trong Hợp đồng dự án;

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất công tác thực hiện dự án của nhà đầu tư, công tác giám sát của Cảng vụ Hàng hải khu vực và tư vấn giám sát;

e) Định kỳ hàng quý báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thực hiện dự án; đề xuất Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo giải quyết những vướng mắc, phát sinh liên quan đến điều chỉnh, chuyển nhượng, chấm dứt Hợp đồng dự án.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm:

a) Trước khi triển khai thi công:

- Hoàn thành đầy đủ các thủ tục về tài nguyên, môi trường, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu và các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật;

- Lập Phương án bảo đảm an toàn hàng hải gửi Cảng vụ Hàng hải khu vực phê duyệt theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 21/2012/NĐ-CP;

- Lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn giám sát độc lập có năng lực để thực hiện giám sát quá trình thực hiện dự án phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Quá trình thi công thực hiện dự án:

- Tổ chức tiếp nhận bàn giao mốc giới, mặt bằng thi công nạo vét phục vụ thi công theo hồ sơ đề xuất đã được chấp thuận;

- Tổ chức quản lý hoặc lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn độc lập có năng lực để quản lý thi công xây dựng, thực hiện công tác khảo sát đo đạc định kỳ và nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật

- Thực hiện dự án theo đúng các nội dung của đề xuất thực hiện dự án đã được phê duyệt và Hợp đồng dự án đã ký kết. Trường hợp có thay đổi so với đề xuất thực hiện dự án được phê duyệt và hợp đồng dự án đã ký kết, nhà đầu tư phải báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam để trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định;

- Thực hiện đầy đủ các quy định về công tác bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo đảm an toàn hàng hải trong quá trình thi công; chế độ thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định;

- Định kỳ 06 tháng, kể từ ngày khởi công thực hiện dự án phải tổ chức đo đạc kết quả thực hiện dự án với sự tham gia giám sát của đại diện Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ Hàng hải khu vực và cơ quan, đơn vị liên quan khác do Cục Hàng hải Việt Nam lựa chọn. Riêng dự án có thời gian thực hiện dưới 01 năm, định kỳ 03 tháng, kể từ ngày khởi công thực hiện dự án phải tổ chức đo đạc kết quả thực hiện dự án;

- Báo cáo định kỳ hàng tháng với Cảng vụ Hàng hải khu vực và hàng quý với Cục Hàng hải Việt Nam về tình hình, kết quả thực hiện dự án.

3. Các đơn vị liên quan:

a) Cảng vụ Hàng hải khu vực có trách nhiệm:

- Tổ chức phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải và tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án theo quy định tại Nghị định số 21/2012/NĐ-CP và Thông tư số 10/2013/TT-BGTVT;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra giám sát quá trình thực hiện dự án của nhà đầu tư phù hợp với nội dung dự án đã được phê duyệt và các quy định pháp luật liên quan;

- Báo cáo định kỳ (hàng tháng và hàng quý) kết quả thực hiện dự án của nhà đầu tư, tư vấn giám sát về Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Các đơn vị bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm:

- Phối hợp với Cảng vụ Hàng hải khu vực trong việc phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định tại Nghị định số 21/2012/NĐ-CP;

- Phối hợp với Cảng vụ Hàng hải khu vực trong hoạt động kiểm tra, giám sát thực hiện dự án nạo vét luồng hàng hải (nếu có yêu cầu);

- Phản ánh, báo cáo kịp thời với Cảng vụ Hàng hải khu vực các trường hợp vi phạm trong quá trình thi công thực hiện dự án nạo vét luồng hàng hải;

- Tổ chức vận hành, khai thác luồng hàng hải và hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng trong quá trình thực hiện dự án theo quy định. Thực hiện công bố thông báo hàng hải trên cơ sở hồ sơ đề nghị của nhà đầu tư theo quy định.

- Hỗ trợ về chuyên môn và hỗ trợ thực hiện điều chỉnh báo hiệu hàng hải, lắp đặt các báo hiệu hàng hải khu vực thi công dự án nạo vét luồng hàng hải theo đề nghị của nhà đầu tư nếu có thỏa thuận trong văn bản phê duyệt, Hợp đồng dự án hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Tổ chức tư vấn giám sát có trách nhiệm:

- Thực hiện chức năng giám sát quá trình thực hiện thi công dự án của nhà đầu tư theo đúng các nội dung của đề xuất thực hiện dự án được phê duyệt và đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, các quy định liên quan của pháp luật hiện hành;

- Báo cáo định kỳ hàng quý kết quả thực hiện dự án của nhà đầu tư, tư vấn giám sát về Cục Hàng hải Việt Nam.

Điều 10. Chấm dứt Hợp đồng dự án

1. Hợp đồng dự án chấm dứt hiệu lực do kết thúc thời hạn đã thỏa thuận hoặc kết thúc trước thời hạn do lỗi vi phạm của một trong các bên mà không có biện pháp khắc phục có hiệu quả, do sự kiện bất khả kháng hoặc các trường hợp khác quy định tại Hợp đồng dự án.

2. Các bên thỏa thuận trong Hợp đồng dự án các điều kiện chấm dứt Hợp đồng dự án và biện pháp xử lý, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả khi Hợp đồng dự án chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Hoàn thành thực hiện dự án và bàn giao dự án

1. Sau khi hoàn thành thực hiện dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam và tổ chức đo đạc, nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng; bàn giao lại công trình cho Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức quản lý theo quy định.

2. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm:

a) Nghiệm thu kết quả thực hiện nạo vét và thực hiện các thủ tục kết thúc Hợp đồng dự án theo quy định. Thành phần nghiệm thu bao gồm: đại diện Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ Hàng hải khu vực, đơn vị bảo đảm an toàn hàng hải (đối với công trình nạo vét luồng hàng hải) và cơ quan, đơn vị liên quan do Cục Hàng hải Việt Nam lựa chọn; tiến hành thủ tục giao công trình cho đơn vị quản lý vận hành theo quy định sau khi hoàn thành dự án;

b) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện dự án; đề xuất xử lý đối với các đơn vị không hoàn thành đúng đề xuất thực hiện dự án đã được phê duyệt hoặc Hợp đồng dự án đã ký kết.

3. Cảng vụ Hàng hải khu vực và tổ chức bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận và quản lý, vận hành, khai thác công trình khi hoàn thành dự án.

Điều 12. Quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải

1. Việc thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật về khoáng sản nhưng phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Không thực hiện thăm dò, khai thác khoáng sản trong khu vực xây dựng cảng biển, luồng hàng hải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão;

b) Không ảnh hưởng đến quy hoạch cảng biển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Đáp ứng yêu cầu về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi chấp thuận cho phép tiến hành thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải lấy ý kiến bằng văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam về quy hoạch phát triển cảng biển và bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường. Chậm nhất 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản có ảnh hưởng hay không ảnh hưởng đến quy hoạch phát triển cảng biển và mức độ ảnh hưởng đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ chấp thuận cho thực hiện thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển sau khi có văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam khẳng định hoạt động khai thác khoáng sản không ảnh hưởng đến quy hoạch phát triển cảng biển, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

4. Quá trình tiến hành dự án thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển, nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định đối với các công trình xây dựng trong vùng nước cảng biển tại Điều 13, Điều 14 và Điều 80 Nghị định số 21/2012/NĐ-CP. Trước khi tiến hành dự án, nhà đầu tư phải thông báo cho Cảng vụ Hàng hải khu vực biết.

5. Cục Hàng hải Việt Nam chỉ đạo Cảng vụ Hàng hải khu vực giám sát, kiểm tra, xử lý việc chấp hành các quy định về quy hoạch cảng biển, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển theo quy định.

Điều 13. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật trong hoạt động nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển ngoài bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định còn phải chịu xử lý theo một trong các biện pháp sau:

a) Dừng xem xét, phê duyệt đề xuất thực hiện dự án đối với hành vi cố tình không bổ sung tài liệu, hồ sơ đề xuất khi được yêu cầu.

b) Chấm dứt thực hiện dự án trong các trường hợp sau:

- Sau 90 ngày, kể từ ngày Bộ Giao thông vận tải có Quyết định phê duyệt đề xuất thực hiện dự án, mà nhà đầu tư không tiến hành thương thảo ký kết hợp đồng để triển khai dự án, trừ trường hợp có lý do chính đáng được Bộ Giao thông vận tải hoặc Cục Hàng hải Việt Nam chấp thuận;

- Sau 01 năm, kể từ ngày Bộ Giao thông vận tải có Quyết định phê duyệt đề xuất thực hiện dự án, mà nhà đầu tư không thực hiện dự án hoặc chậm thực hiện dự án mà không có lý do chính đáng được Bộ Giao thông vận tải hoặc Cục Hàng hải Việt Nam chấp thuận;

- Quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành dự án hoặc ngày chấm dứt Hợp đồng dự án mà cố tình không bàn giao lại công trình cho Cục Hàng hải Việt Nam.

c) Xem xét cấm tham gia các dự án nạo vét và các dự án khác do Bộ Giao thông vận tải hoặc các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền làm chủ đầu tư từ 06 tháng đến 36 tháng đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại khoản 2 Điều 9 và khoản 1 Điều 11 Thông tư này gây hậu quả nghiêm trọng.

2. Nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân liên quan đến thực hiện dự án nếu vi phạm các quy định của Thông tư này, ngoài việc bị xử lý theo Khoản 1 Điều này, Bộ Giao thông vận tải sẽ xem xét gửi thông tin về hành vi vi phạm sang Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị đăng tải trên Báo Đầu thầu và Trang thông tin điện tử về đấu thầu, đồng thời đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải và Cục Hàng hải Việt Nam.

3. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm tổ chức đánh giá mức độ vi phạm của nhà đầu tư và đề xuất biện pháp xử lý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.
2. Ban hành kèm theo Thông tư này 01 Phụ lục gồm 02 Mẫu văn bản đăng ký thực hiện dự án và văn bản đề nghị phê duyệt đề xuất dự án.
3. Nhà đầu tư được chấp thuận thực hiện dự án trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản chấp thuận hoặc phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh với Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết kịp thời./

Nơi nhận:

- Như Điều 15;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- Ủy ban An toàn Giao thông quốc gia;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo Chính phủ;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Website Bộ GTVT;
- Báo GTVT, Tạp chí HHVN;
- Lưu: VT, KCHT (5)_{Trung}.



Phụ lục

DANH MỤC MỘT SỐ MẪU VĂN BẢN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN NẠO VẾT LUỒNG HÀNG HẢI, KHU NƯỚC, VÙNG NƯỚC TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN KẾT HỢP TẬN THU SẢN PHẨM, KHÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT
ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

1. Mẫu số 01: Văn bản đăng ký thực hiện dự án.
2. Mẫu số 02: Văn bản đề nghị phê duyệt đề xuất dự án.

Mẫu số 01

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vv: Đăng ký thực hiện dự án....

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Tên nhà đầu tư:

Người diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh số: ngày ... tháng năm tại.....

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Căn cứ Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ văn bản số của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt danh mục các dự án khuyến khích thực hiện nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước.

Xét năng lực và nhu cầu hiện tại, Công ty đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam giải quyết thủ tục cho phép Công ty tham gia xã hội hóa thực hiện nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước với nội dung chính như sau:

- Tên dự án.
- Vị trí, địa điểm thực hiện dự án.
- Dự kiến phạm vi thực hiện dự án.
- Lý do, sự cần thiết thực hiện dự án.
- Hình thức thực hiện.
- Dự kiến thời gian thực hiện.
- Các nội dung liên quan khác.

Công ty kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, chấp thuận./.

NHÀ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vv: Đề nghị phê duyệt đề xuất dự án
xã hội hóa hóa thực hiện nạo vét....

....., ngàytháng năm 20.....

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Tên nhà đầu tư:

Người diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh số: ngày ... tháng năm tại.....

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Căn cứ Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ văn bản số của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt danh mục các dự án (công trình) khuyến khích thực hiện nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước.

Căn cứ văn bản số của Cục Hàng hải Việt Nam, Công ty đã tiến hành lập hồ sơ đề xuất tham gia xã hội hóa thực hiện nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách đối với dự án.....

Nội dung chính của hồ sơ đề xuất bao gồm:

- Tên dự án.
- Vị trí, địa điểm thực hiện dự án.
- Dự kiến phạm vi thực hiện dự án.
- Lý do, sự cần thiết thực hiện dự án.
- Hình thức thực hiện.
- Dự kiến thời gian thực hiện.
- Các nội dung liên quan khác theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
- Hồ sơ kèm theo.

Công ty kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, phê duyệt làm cơ sở đàm phán, ký kết hợp đồng và tổ chức thực hiện dự án theo quy định của pháp luật./.

NHÀ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)